

**BÀI: BÀN TAY DỊU DÀNG
PHÂN BIỆT TR/CH; AC/ AT
TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM
DẤU CHẤM THAN**

Bài 1:

Cho biết mỗi người trong tranh đang làm gì?

- Dự đoán cảm xúc của mỗi người trong tranh.



I. Đọc hiểu

Bàn tay dịu dàng

Bà của An mới mất nên An xin nghỉ học mấy ngày liền. Sau đám tang bà, An trở lại lớp, lòng nặng trĩu nỗi buồn. Thế là chẳng bao giờ An còn được nghe bà kể chuyện cổ tích, chẳng bao giờ An còn được bà âu yếm, vuốt ve...

Nhớ bà, An ngồi lặng lẽ. Thầy giáo bước vào lớp. Thầy bắt đầu kiểm tra bài của học sinh. Khi thầy đến gần, An thì thào buồn bã:

- Thưa thầy, hôm nay em chưa chuẩn bị bài tập ạ!

Thầy im lặng, nhẹ nhàng xoa đầu An, rồi vỗ nhẹ lên vai An như an ủi. Bàn tay thầy dịu dàng, ấm áp, thương yêu.

An nói tiếp:

- Nhưng sáng mai em sẽ chuẩn bị bài đầy đủ ạ!

- Tốt lắm! Thầy biết em nhất định sẽ làm! - Thầy khẽ nói với An.

Phỏng theo Xu-khom-lin-xki

(Vasilij Aleksandrovich Sukhomlinskij).

Mạnh Hương dịch

Câu 1: Khi bà mất, An cảm thấy thế nào? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Vì sao thầy giáo không trách An khi biết bạn chưa chuẩn bị bài?

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Tìm từ ngữ thể hiện tình cảm của thầy giáo đối với An.

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Kể những việc làm thể hiện sự quan tâm của thầy cô với em.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5: Nội dung câu chuyện

.....

.....

.....

.....

II. PHÂN BIỆT TR/CH; ẮC/ ÂT

1. Chọn tiếng phù hợp với mỗi câu sau:

- a) (tranh, chanh) Bức..... vẽ con chim đang đậu trên cành cây.....
- b) (chưa, trưa)nay An đã ăn cơm.

2. Viết các từ ngữ vào chỗ trống sau khi đã điền đúng:

a) at hoặc ac

- bát ng...../.....

- ngơ ng...../.....

- kh.....nước/.....

- kh.....nhau/.....

b) ng hoặc ngh

-.....ỉ.....oi/.....

-.....e.....óng/.....

-....ỗ.....àng/.....

-.....ô.....ê/.....

c) tr hoặc ch

-.....ải đầu/.....

-.....ải rộng/.....

-.....ạm gác/.....

-.....ạm tay/.....

3. Nối ô chữ ở cột A với ô chữ thích hợp ở cột B rồi viết từ ghép được vào chỗ trống:

A

B

chăm

đưỡng

nuôi

sóc

dạy

đồ

bảo

ban

vồ

bảo

khuyến

về

M: nuôi dưỡng

.....

.....

.....

.....

.....

4. Đặt câu với các từ vừa tìm được ở bài 3

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM

1. Tìm những từ chỉ đặc điểm của người và vật.

- a) Đặc điểm về tính tình của một người :

- b) Đặc điểm về màu sắc của một vật :

- c) Đặc điểm về hình dáng của người, vật :

2. Tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ sau:

“Em nuôi một đôi thỏ,
Bộ lông trắng như bông,
Mắt tựa viên kẹo hồng
Đôi tai dài thẳng đứng”

(Sưu tầm)

3. Tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn sau:

Biết chị treu nhưng tôi vẫn thấy vui. Lần đầu tiên tôi viết nhãn vở kia mà. Giá được đến lớp ngay hôm nay nhi! Tôi sẽ khoe với các bạn chiếc nhãn vở đặc biệt này: nhãn vở tự tay tôi viết.

Nguyễn Thị Kim Hòa

4. Tìm 2-3 từ chỉ đặc điểm có tiếng:

- rộng:

- sạch:

5. Câu nào dưới đây thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi thấy chiếc bàn học mới

- A. Cái bàn học rất mới.
- B. Cái bàn học mới hay cũ?
- C.Ồ, cái bàn học mới quá!

6. Chọn dấu câu phù hợp với mỗi ô trống:

- Chà, tảng đá nặng ghê ☐
- Quyền sách này hơi mỏng ☐
- A, phòng học mới rộng quá ☐
- Cái thước ngắn của bạn nào nhi ☐

7. Chọn dấu chấm, dấu chấm than cho mỗi câu dưới đây:

- a. Đèn sáng quá
- b. Ôi, thư viện rộng thật
- c. Các bạn nhỏ rủ nhau đến thư viện

8. Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi vào vị trí thích hợp

Bé nói với mẹ :

– Con xin mẹ tờ giấy để viết thư cho bạn Hà ☐

Mẹ ngọc nhiên :

– Nhưng con đỡ biết viết đâu ☐

Không sao, mẹ ạ ! Bạn Hà cùng chưa biết đọc ☐